

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

## QUYỂN 9 (Phần Cuối)

### BẢN LUẬN QUYỂN 37

#### PHẨM OAI LỰC

Ở Trước nói về sự chân thật, tức là cảnh chứng. Đã có đối tượng chứng, không thể giả dối, mà điều tối cần là đem lại sự thành thực cho hữu tình, bằng cách thể hiện thân thông biến hóa rộng lớn, sao cho họ sinh lòng tin, để được quả thánh. Nếu các Bồ-tát vì lợi mình, người thì hiện thân thông lớn, tu hành hạnh chân chính, mong cầu sẽ được chứng quả. Nếu các đấng Mâu-ni nói về Phật sự của mình, khởi tâm đại bi, cứu vớt hữu tình, thì thể hiện Oai Lực này, gọi là phẩm oai lực; được nói sau phẩm Chân Thật Nghĩa.

Đại Sư Tuệ Viễn nói: “Vì sao nói sau? Vì nương tựa ở công dụng tự tại mầu nhiệm của nghĩa chân thật, nên nói kế là ba pháp trước trong bảy pháp của năm phẩm đã nói. Kế là, nói về Cự Địa Trì, bản cữ dịch quyển bốn, chỉ nói là phẩm lực. Trong văn, trước hỏi, sau đáp.

Trong phần đáp có ba:

1/ Phân tích sơ lược về ba thứ.

2/ Nói rộng năm thứ.

3/ Sắp thị hiện xếp vào ba thứ thân thông.

Trong phần đầu có ba. Oai lực bậc Thánh, tức là sáu thân thông. Năm thân thông trước, thì phạm phu, ngoại đạo cũng có, thứ sáu, chỉ bậc Thánh mới có, có thể chứng đắc đủ sáu, gọi là oai lực Thánh. Theo văn của Luận Trí Độ, Bồ-tát dù có tập khí (thói quen) mà chánh sử đã dứt hết, được gọi là lậu tận, tức là tùy phần chứng được Lậu tận thông.

2/ Nói về oai lực của pháp, Luận Địa Trì chỉ nêu danh, không có pháp trong đây, cho đến văn Bát-Nhã v.v... được lưu truyền ở dưới.

3/ Trong phần nói về oai lực “Câu sinh”, Pháp sư Cảnh nói: Nếu thuận với sự hiểu biết của người Tiểu thừa, thì do ở trước tu riêng tư

lượng phước, đức, nên được niệm tự tánh, sinh rất nhiều công đức như trí v.v..., đều sinh chung với thân, tự có thể nhớ biết chuyện quá khứ v.v..., gọi là lực “Câu sinh” trong năm thứ, nghĩa là tánh hay nhớ nghĩ các việc của bản sinh: “Vì đem lại lợi lạc cho hữu tình, nên đối với nỗi khổ lớn trong suốt thời gian dài, Bồ-tát đều có khả năng chịu đựng”. Lại, Bồ-tát “Sinh” lên cõi trời Đổ-Sử-Đa cho đến khi Đại Niết-bàn, cả mặt đất đều rung chuyển, các vì sao rơi rụng?” Những việc như thế, đều là oai lực “Câu sinh”, chẳng phải sức thần thông.

Cũng có thể ở trước, Bồ-tát đã nhóm họp tư lương, đã cảm được báo thân, nên mắt thấy được xa, tai nghe được xa, tức là sáu căn thanh tịnh trong Pháp Hoa, cho đến rất dễ hiểu những việc tức trụ v.v..., gọi là “Lực câu sinh”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: Chư Phật chỉ thành tựu phương-tiện thiện, không thành tựu sinh đặc thiện, vì sinh-đặc thiện chỉ có hữu lậu. Bồ-tát có cả hai thứ. Nay nói “Oai lực câu sinh”, tức phương tiện thiện. Đời trước đã từng tu tập. Nay, vì sinh chung với thân, nên gọi là “Oai lực câu sinh”, chứ chẳng phải gọi là Sinh-đặc thiện.

Trong phần nói rộng, đầu tiên, là chia ra năm chương; sau, giải thích theo thứ lớp.

Trong phần trước, hoặc Cựu-Luận nói: “Tức có năm thứ trong tám thứ phân biệt của ba oai lực ở trước. Pháp sư Cơ nói: Điều này không đúng! Đối tượng phẩm loại này vì sao gọi là tám thứ phân biệt? Oai lực thần-thông trong đây, 1/ Trước nói về oai-lực của bậc thánh; 2/ Oai-lực của pháp; 3/ Oai-lực “Câu sinh”. Ba thứ này đối với người Nhị thừa kia có “cộng”, “bất cộng”. Lại thành hai thứ, cộng với trước là năm.

Văn trong giải thích chia làm bốn. Vì kết hợp với hai thứ sau, nên đầu tiên, giải thích về oai lực thần thông. Trước, chia ra sáu chương; sau, là gạn hỏi, giải thích riêng.

Sắp giải thích văn, trước dùng bốn môn để nói về nghĩa chung:

1/ Nói về Thể: Nếu y cứ mười trí đối với thể thần thông, là Thiên nhãn, Nhĩ thông. Nếu phạm phu, Nhị thừa, Bồ-tát Địa tiền, Địa thượng mà được thì chỉ có Trí Thế tục. Chư Phật đã được là bảy trí tánh: Pháp, loại trí, khổ, tập, đạo, tận, vô-sinh trí. Hai thần thông này “duyên” sắc, thính cõi Dục là Pháp-trí. “Duyên” sắc, thính cõi trên, là loại-trí. Nếu “duyên” sắc, thính hữu lậu là khổ, tập trí. Nếu “duyên” sắc, thính vô lậu là Đạo trí. Dứt hết phiền não trong thân, được gọi là Tận-trí. Do nghiệp tập phiền não v.v..., rốt ráo bất sinh vì được trong thân, nên cũng gọi là vô sinh trí, chỉ trừ trí Thế tục Tha Tâm và Diệt trí.

Thần Cảnh Trí thông; Túc Trụ thông, và Tha Tâm thông, phàm phu, Nhị Thừa và Bồ-tát đều được, hoàn toàn là trí thế tục. Bồ-tát Thập Địa đã được thần cảnh Trí-thông là năm trí tánh: trí Thế tục; Pháp trí; Loại trí; Khổ trí; và Tập trí. Thập địa đã được thần thông biết sai khác Tâm là bảy Trí. Năm trí trước thêm Tha tâm trí và đạo trí. Bồ-tát thập địa đã được Túc trụ thông là sáu trí tánh; biết việc quá khứ của hai cõi dưới là hai trí: Pháp, và loại; vì biết hữu lậu nên về sau là hai trí Khổ, Tập. Lại, trí Thế tục cũng biết chuyện quá khứ, “duyên” theo quá khứ, từng đã hành đạo. Lại, là đạo Trí, nên dưới đây giải thích về Túc Trụ Thông, nói rằng: “Lại do tùy niệm Túc trụ trí, nên nhớ nghĩa bản sinh. Vì các hữu tình, khai thị, các thứ phẩm loại của đời trước. Việc ít có thứ nhất là Bồ-tát đã thực hành khổ hạnh khó làm, sao cho sinh niềm tin thanh tịnh đối với Phật”.

Lại, kinh Pháp Hoa nói: “Công hạnh mà các ông đã thực hành là đạo Bồ-tát”. Phải biết rằng Túc trụ thông cũng “duyên” đạo Đế, nên có Đạo Trí, biết đã từng chứng diệt, cũng có Diệt Trí, chỉ trừ trí Thế tục. Nếu là chư Phật thì đã được đủ tám trí tánh, chỉ trừ trí Thế tục, trừ ba đế trí và Tha tâm trí. Nếu ở trong thân lậu tận mà được, thì gọi là Lậu tận thông tức mười trí tánh. Bồ-tát Thập địa tùy phần được Lậu tận thông, cũng sáu trí tánh. Chư Phật đã được Lậu tận thông, nếu “duyên” lậu tận là năm trí. Nếu ở thân lậu tận được là chín trí tánh, trừ trí thế tục.

2/ Nói về được tên gọi: Thần Cảnh thông từ Thế của cảnh và nghĩa làm Danh. Tùy niệm Túc trụ trí tác chứng thông, từ nghĩa Thế mà đặt tên. Trí thiên nhãn, thiên nhĩ tác chứng thông, tức từ nghĩa của thế sở y mà được tên.

Nay, thiên nhãn thông cũng gọi là Kiến sinh, tử trí thông, tức từ Thế cảnh và nghĩa mà đặt tên. Biết sai khác tâm, trí tác chứng thông, tức từ thế cảnh công năng và nghĩa mà đặt tên. Trí Lậu tận tác chứng thông từ Thế cảnh và nghĩa mà được tên.

3/ Nói chướng sở trị. Năm thông trước có đủ hai chướng tánh, sự. Tánh, nghĩa là phiền não và tùy phiền não chướng ở địa dưới của cõi Dục v.v..., và Thế tánh năm Thông của Địa định trên không được thành tựu, gọi là tánh chướng. Dù dứt trừ tánh chướng, thành tựu năm thông, nhưng vẫn có vô tri trong gốc thông suốt, bế tắc, không thể biểu hiện công dụng, gọi là sự chướng. Sự chướng tức là chướng sở trị. Loại Di thực sinh trừ tác dụng chung của sự chướng nấy, mới thành Lậu tận thông, chỉ có tánh chướng. Nếu dứt trừ tánh chướng, tức được lậu tận.

Người Nhị thừa dứt cả hai chướng mà khởi thần thông. Phàm phu,

ngoại đạo, và Bồ-tát trước Địa, điều phục tánh sự chướng, được khởi năm thông.

Bồ-tát Thập Địa chỉ điều phục tánh chướng, dứt trừ sự chướng, tức được khởi thần thông. Do sự kia tức thuộc chướng sở tri, tức khởi công dụng của thần thông. Tánh chướng tức là phiền não do tu dứt trừ. “Hoặc” thô của hai phẩm thượng, trung của thất địa trở xuống, dù điều phục “hoặc” tế, vẫn còn được tạm hiện hành. Hoặc tế của bát địa trở lên, mới điều phục, đến Kim cương mới dứt trừ tức khắc, nên biết được tánh chướng năm thông của Bồ-tát Thập địa chỉ chế phục, không dứt trừ. Sáu thông của Chư Phật nhập vận khởi công dụng, lại không dứt trừ chướng, vì với tâm Kim cương đã dứt ngay tất cả chướng của sáu thông.

4/ Nói trong ba độ năm thông, nếu y cứ ở Bồ-tát thì dường như không có Độ khác, vì trí tha tâm, cõi Sắc biết tâm của cõi Vô Sắc, chỉ có “căn độ”, “nhân độ”. Do hình tướng chung, con người có căn hơn, kém, vì có trên, dưới. Nhị thừa có đủ ba độ. Như quyển ba mươi ba trên đã nói: “Sự sắc, thanh cho nên có Nhân độ, Căn độ. Căn của địa dưới không biết cảnh giới của người Địa thượng”

Hỏi: “Như Tha tâm thông vô lậu của Tiểu thừa thì phải tạo ra bốn hạnh dưới của đạo, mới rất dễ hiểu tâm vô lậu của người khác.

Nay, theo Tông chỉ của Đại thừa, thì nghĩa ấy thế nào? Ngài Tam Tạng nói: “Tạo ra bốn hạnh dưới của đạo là phương tiện. Về sau, khởi vô lậu, không cần thực hành công hạnh, vẫn rất dễ hiểu được tâm người kia. Khi biết được tâm hữu lậu của người khác, thì trước, cũng tạo ra tám hạnh khổ, Tập, mới biết được. Lại, tâm vô lậu biết được tâm hữu lậu, như thể Tha Tâm thông của Phật là vô lậu, biết chung tất cả tâm hữu lậu, vô lậu.

Theo giải thích riêng, đầu tiên giải thích về Thần trí thông, vẫn chia làm ba:

- 1- Chia ra hai chướng, gồm có:
  - a) Chủ thể biến.
  - b) Chủ thể hóa.
- 2- Giải thích riêng.
- 3- Nói chung hai nghiệp.

Dựa vào chất, chuyển đổi, gọi là là Biến. Trong cái không, bỗng nhiên hiện ra, gọi là Hóa. Trong tông chỉ của người Nhị thừa, phán quyết biến ra thần thông; tâm hóa chẳng phải thần thông, chỉ là quả của thần thông, nay Đại thừa xếp Hóa vào quả của thần thông, cũng thuộc

về thần thông. Lại, người Tiểu thừa xếp thần thông thiện, tâm biến hóa là vô ký. Đại thừa thì không như thế. Tâm biến hóa chung cho thiện và vô ký. Nếu vì mục đích lợi người, thì biến hóa là thiện, thông thường khởi biến hóa chỉ là vô ký. Chư Phật biến hóa, tất cả đều là thiện.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Thần cảnh trí thông này là cảnh được biến hóa, sao trong đây nói chủ thể biến thần cảnh trí thông do chủ thể biến hóa tác động nên cảnh này, nên cảnh từ thấy, gọi là “năng biến”. Lại, dù nêu đối tượng biến, vì ý nói về thần thông, nên gọi là chủ thể biến (năng biến); “năng biến” thuộc về Trí.

Nêu “sở biến” để nói lên tác dụng của “năng biến”.

Trong giải thích riêng, trước giải thích về “chủ thể biến”, sau giải thích về “chủ thể hóa” (năng hóa). Trước hết, trong biến, đầu tiên, hỏi, kế là giải thích sau, là kết.

Trong phần giải thích:

1/ Chia ra mười tám biến.

2/ Dựa theo danh để giải thích.

Nói Tổ phụ, như Tỳ-Bà-Sa nói: “Vào thời kỳ đầu tiên kiếp số, tánh tình con người mộc mạc, ngay thẳng, về sau, dần dần bạc bẽo, điều ngoa, tức là có một người trước hết, sống bằng việc ăn trộm, ban đầu đọa vào cõi quỷ, vì sinh ra trước, nên gọi là Tổ phụ. Kế là, kẻ sinh ra sau, ngay từ lúc đầu được mang tên, đều gọi là Tổ phụ”.

Trong chuyển biến, cho rằng: “Nếu đối với đất kia, khởi thẳng giải về nước, thì khiến cho thành nước như thật, chứ chẳng phải thứ gì khác v.v...” Luận sư Cảnh nói: “Hỏi: Vốn là đất làm sao biến cho thành nước được?”

Đáp: “Nếu theo lý pháp tướng, thì đất kia đều xuất phát từ hạt giống đất của tất cả chúng sinh mà sinh ra. Dù đồng một chỗ, nhưng vì tùy theo hạt giống nên mỗi chúng sinh đều riêng, và đều là hữu lậu, chính ở nơi này, chư Phật thấy là đất, đất là vô lậu, tự từ hạt giống vô lậu của chư Phật sinh, vì muốn cho chúng sinh đều được công dụng của nước, nên liền dùng trí, quán kích động trí Viên cảnh, khiến đất không khởi, khiến hạt giống nước sinh ra nước, nước là vô lậu, dùng nước vô lậu này làm “duyên” có thể cho đất của chúng sinh diệt, nước sinh nên gọi là “biến”. Vì thế, Nhiếp Luận nói: “Do quán người tu hành, nhận biết là duyên Tăng thượng thức của người khác biến đổi đất thành nước v.v...”. Cũng có thể hiện tượng này được y cứ ở môn Lý Duy thức, tất cả pháp chỉ có Thức. Dù rằng về sau, đổi thay các thứ sắc, chẳng phải sắc, mà dường như sắc, chỉ có thức lượng. Do thức đó có thể huân tập

chỉ tâm, chứ chẳng phải sắc, chỉ có hạt giống của tâm. Về sau, khi hạt giống thức sinh khởi, thay đổi khởi lên dường như sắc. Bồ-tát biết tường tận về lý này, nên thừa khả năng biến đổi đất thành nước v.v... đều hoàn toàn không có gì trở ngại. Cũng như núi Tu-di, hạt cải, cũng chỉ là Duy thức lượng không có sắc thật riêng, quyết định thật sự to hay nhỏ, Bồ-tát đã thể hiện điều đó. Vì muốn cho chúng sinh sinh lòng tin tưởng, nên hiện núi Tu-di nhét vào trong hạt cải. Nói về lý, không thật có vật thể nhỏ xíu lại chứa đựng vật thể to lớn.”

Hỏi: “Đồng với công hạnh của đất v.v..., Bồ-tát cả hai đều hiện thần thông: một muốn biến đổi đất thành nước, hai là muốn biến đất thành lửa chẳng?”

Đáp: Theo thuyết của Quyết Trạch phần dưới đây nói: “Nếu năng lực của hai Bồ-tát ngang nhau, thì đều không được thành, trong đó hoặc một Bồ-tát chuyên chú về tướng lửa; hoặc một Bồ-tát chuyên tưởng về nước, mà tư duy riêng về ngã khiến biến đất thành nước, nhằm cứu giúp chúng sinh v.v.... Bấy giờ việc hai người biến lửa, thành nước sẽ không thành. Phải biết rằng, tất cả việc làm, nhất tâm mới thành, tức là kinh nói: “Định tâm một chỗ, không có việc gì không xong”. Lại hỏi:

“Hạt giống nhiễm, sắc ác của pháp sinh, tử trong thân Chư Phật, tất cả đều không có, làm sao có thể biến khởi sắc ác?”

Giải thích “Thân Phật tuy là không có hạt giống nhiễm của ba cõi, nhưng vì muốn cho chúng sinh yêu ghét sắc tốt, xấu, nên biến đổi tốt thành xấu. Việc ấy thế nào? Do tùy theo tâm Bi, nguyện, nên liền có tướng tốt, xấu của ảnh tượng biểu hiện, trông dường như có tốt xấu, nhưng thật ra là vô lậu. Do vô lậu này làm “duyên” khiến cho sắc tốt của chúng sinh kia diệt, ác xấu sinh”.

Pháp sư Thái nói: “Nói là đối với “câu phi” hữu tình khởi Thắng giải v.v... về sắc tốt xấu, nghĩa là có sắc của một chúng sinh chẳng phải tốt, xấu gọi là “câu phi”. Bồ-tát “duyên” tác động hiểu biết về sắc tốt, xấu kia, tức thì tướng trạng của sắc tốt, xấu như thật hiện ra, hoặc ngược lại. Như Đức Phật khác, dù có thần thông, nhưng không thể chuyển đổi năm trần v.v... để trở thành căn chân thật, có thể nhìn thấy sắc v.v... giống với năm căn kia, chứ chẳng phải năm căn thật. Đất, nước v.v... kia dù là thể của xứ ngoại, nhưng mỗi thứ đều khác nhau, thì làm sao biến nước thành lửa, chỉ có thể chất nước diệt, chất lửa sinh, trong đó, có thể là tác dụng biến đổi. Tác dụng đó do oai lực của Phật nên khiến trong lửa cũng có tánh chất ướt. Tánh ướt tức là thể của lửa. Nếu đổi thay tánh chất, nghĩa là đổi thay vật thể vô tình trở thành hữu tình, tức

cõi chúng sinh có thêm vào, mất đi (Có lỗi thêm vào), nên không thể thay đổi tánh. Văn trong đây nói chuyển được năm trần. Luận nói sắc, hương, vị, xúc nên biết cũng thế, cho nên biết chung năm trần là dụng chân thật, dưới đến phần quyết trạch sẽ có giải thích.

Hai biến thứ bảy, thứ tám hợp chung giải thích: “Có thể cuốn lại tất cả núi Tuyết vua v.v... như một cực vi, duỗi ra một cực vi, sao cho ngang đồng như tất cả núi tuyết vua, v.v... gọi là cuốn vào, duỗi ra (trải ra)”.

Luận sư Trắc nói: “Việc này (hiện tượng này) tương đương với việc kinh “Dùng một hạt cải dung nạp núi Tu-di” của Duy Ma.

Các nước phương Tây đưa ra hai giải thích:

1- Rằng: “Giả định cách giải thích của Duy thức đồng với giải thích của Luận sư Cảnh”.

2- Theo đạo lý nhân duyên, các pháp hữu vi lìa ngôn thuyết, chẳng nhất định lớn, nhỏ, lại đối lập nhau, chẳng phải một, chẳng phải khác. Do đạo lý này, nên việc dung nạp lẫn nhau cũng không ngăn ngại! Cho nên Luận Quyết Trạch nói: “Theo sắc pháp, có ba thứ không lìa nhau (nói rộng như luận đó). Tát-bà-đa v.v... chỉ lập hòa hợp không lìa nhau, không thừa nhận hai thứ còn lại, bởi trong Tông chỉ của họ không thừa nhận bốn Đại thiệp nhập lẫn nhau.”

Nay, theo Đại thừa, nói đủ cả ba thứ. Nếu đồng với thuyết không lìa nhau, thì như ở vị trí cực vi của một mắt sẽ có đến bảy vật thể cực vi đồng vị trí, nghĩa là căn mắt, thân, chủ thể tạo ra bốn trần của địa đại lại xen lẫn nhau đồng ở một chỗ, cũng như ánh sáng của nhiều ngọn đèn trong một căn nhà chan hòa lẫn nhau, không trở ngại nhau. Cho nên, dựa vào năng lực thần thông biến hóa, có khả năng khiến vật thể cực vi dung nạp cả ngọn núi Tuyết.

Nay hỏi:

“Văn luận này lựa chọn rút lại cái lớn, như cái nhỏ; kéo rộng ra cái nhỏ bằng cái lớn, trong khi kinh Duy-ma lại nói là hạt cải dung nạp núi Tu-di” nghĩa là chẳng phải có lại cái lớn, duỗi ra cái nhỏ mà dung nạp nhau. Như vậy, kinh luận dường như trái nhau làm sao hội nhập được?”

Giải thích: “Về ý thì không trái nhau, vì nhỏ có thể chứa đựng lớn, nhỏ cũng như lớn. Cái lớn hội nhập cái nhỏ, thì lớn cũng như nhỏ, cho nên, trong luận này nói là co lại, duỗi ra, chỉ vì hạt cải nhận nạp núi Tu-di mà vẫn không mất tướng nhỏ của hạt cải. Núi Tu-di nhét vào hạt cải tí xíu, nhưng không làm hư hoại tướng trạng vĩ đại của Tu-di, chính vì

thế, trong kinh Duy-ma không nói co, duỗi nên không trái nhau, nghĩa ấy là một.

Các hình tướng đi vào trong thân, rằng khiến các đại chúng, đều tự biết vào trong thân mình, bảo cho những người khác đều tự biết vào trong thân mình của chư Phật Bồ-tát kia, trong đồng loại hưởng đến.

Trời Phạm Quang Ích v.v... Pháp sư Cơ nói: “do ánh sáng của Đại Phạm Thiên nên gọi là trời đại Phạm Quang.

Thế nào gọi là ích? Ở đây nói: “ Ở trước trời đại Phạm mà làm việc lợi ích, nên gọi là trời Phạm Quang Ích, cũng gọi là trời Phạm Tiên Ích”.

Luận sư Trắc nói: “Theo thuyết của kinh Hoa Nghiêm v.v...: “Sơ thiên v.v... đều có bốn trời, vì sao không đồng với luận này?” Vì xứ kia y cứ ở con người có sai khác, nên chia làm bốn trời. Các kinh khác đều nói có ba, vì cứ theo trú xứ là ba, nên không trái nhau.

Trong giải thích về thân thông nói rằng: “Bồ-tát rốt ráo đã quan hệ một đời, hoặc thân sau cùng được thân thông”. Pháp sư Khuy Cơ nói: “nghĩa là ở chỗ trời Đổ sử đa, chỉ có đời sống này, hết một đời này gọi là Nhất sinh bổ xứ hoặc thân sau cùng, nghĩa là đã sinh cõi Dục, ngay thân này thành đạo. Thân này là thân sinh tử, vì đời sau cùng, nên gọi là thân sau cùng lại do Bồ-tát tức giải tọa đạo tràng, nghĩa là ngồi dưới cây Bồ-đề chưa được thành đạo về trước, gọi là đạo tràng”.

Trước kia nói có ba, dưới đây kết vô số và nghĩa giải biến, chủ yếu là dựa vào vật có tự tánh, nhằm chuyển đổi hình chất của vật đó. Nếu do sức định, ở chỗ không có vật, bỗng nhiên hiện ra vật là hóa, chẳng phải biến.

Nếu vậy, phát ra ánh quang sao gọi là Biến? Đây cũng là biến, vì rằng, với tự thân, trước có ánh quang nhỏ, biến đổi để cho lớn đầy khắp cõi nước mười phương ; hoặc thay đổi ánh quang ngắn sao cho xứ hạnh dài, xa.”

Kế là giải thích về chủ thể hóa, văn chia làm ba: Đầu tiên, hỏi; kế là, giải thích; sau là kết. Trong phần giải thích có hai:

1- Giải thích nghĩa hóa.

2- Chia ra ba chương, giải thích, trong đó, trước, hỏi về ba chương; kế là, nhắc lại để giải thích; sau, là kết.

Đầu tiên nói: “Hoặc hóa thành thân và hóa thành cảnh, hoặc hóa thành lời nói. Theo luân Địa Trì, bản cựu dịch nói thoát không có cảnh hóa; giải thích dưới đây mới có. Đến trong phần nhắc lại giải thích, được chia làm hai: 1/ giải thích về cảnh của thân; 2/ hóa lời nói.

Trong phần trước có ba: Trước là nhắc lại, kế là, giải thích; sau, là kết.

Trong giải thích có hai:

- 1- Giải thích sơ lược.
- 2- Nói lại.

Trong phần trước, trước là giải thích hóa thân: Giống hoặc không giống với thân mình là hai hóa. Giống với thân người khác hoặc không giống là hai Hóa. Bốn thứ hóa này với căn, căn giống nhau, sở y xứ phù căn bốn trần”.

Có giải thích: “Do Tiểu thừa biến đổi ở Địa thượng, vì không thể hiện Hóa, nên có mười bốn Hóa, nay, dựa vào thần thông của Bồ-tát Đại thừa, do tự tại, nên dựa vào bốn định, mỗi định đều có thể tạo ra hóa của năm Địa, nên có hai mươi Hóa, hoặc hiểu rõ luận này, vì trong bốn sắc cũng có hóa tâm, nên quá số hai mươi.”

Kế là, nói về cảnh hóa. Ngài Tuệ Viễn nói: “Cảnh hóa có hai:

- 1- Hóa thành tất cả cảnh giới mình, người.
- 2- Hóa thành tất cả cảnh giới của Địa khác. Tóm lại, vì giống nhau về việc thường thọ dụng của vật, nên nói “tương tự”, vì khác với việc thường dùng, nên nói là “dị”.

Trong phần nói lại, trước là giải thích Hoá thân:

Nói: “Nếu thân sở hóa và thân Bồ-tát rất giống nhau, gọi là thân sở hóa đồng với tự tướng, nghĩa là Bồ-tát tự khởi hóa, nên hóa Phật và Bồ-tát rất giống nhau, gọi là lực tương tự. Không như thế thì chẳng phải giống nhau. Hoặc có Chư Phật, Bồ-tát dù sau diệt độ, do sức trụ trì mà tùy chuyển, như đức Phật Tu Phiến-Đa, xuất hiện ở thế gian, thành đạo xong, không bao lâu, liền nhập diệt, mà còn lưu lại một hóa thân, hóa độ loài người trong một kiếp. Lại, như Đức Thích-ca để lại ảnh ở ngôi nhà đá của nước Nguyệt Chi. Hoặc tạm thời làm lợi ích xong, liền thôi dứt. Như đức Phật hóa thành một vị tỳ-kheo đi khát thực, khi việc đã xong, liền nhập diệt v.v... ”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Mà cố tùy chuyển, nghĩa là như Đức Phật Thích ca dù đã diệt độ, nhưng do sức trụ trì, nên giúp chánh pháp đến ngày nay vẫn còn chuyển.

Sự nghiệp hóa độ liền dứt. Như Đức Phật Tu-Phiến-Đa, sau khi thành đạo, liền nhập Niết-bàn, giáo pháp cũng diệt theo. Vì không có sức trụ trì, nên về sau, giáo pháp không truyền bá sâu rộng, cho nên, sự nghiệp hóa độ chấm dứt.

Dưới đây, nói lại cảnh hóa, phần thứ hai, trong giải thích về hoá

ngữ; 1/ Chia ra bảy trường hợp; 2/ Giải thích theo thứ lớp, Pháp sư Viễn nói: “Hóa lời nói, chủ yếu có hai:

- 1- Trong, tức hóa ra tiếng nói của hữu tình.
- 2- Ngoài, hóa ra tiếng nói của cỏ, cây v.v....

Trong đó lại có bốn:

- 1- Hóa giống như tiếng nói của mình.
- 2- Hóa không giống.
- 3- Hóa ra tiếng nói của người.
- 4- Không giống với tiếng nói của người.

Tướng tùy có bảy, tức đồng với bảy trường hợp của luận này.

Không có nương tựa. Luận sư Trắc nói: “Không nói theo tâm danh, lợi.

Từ trên đến đây, giải thích về thần cảnh thông, gồm có hai: 1/ Chia ra hai chương. 2/ Giải thích riêng xong.

Từ đây trở xuống, là thứ ba, nói chung về hai thứ sự nghiệp :

- 1- Dẫn nhập Thánh giáo, ban cho lợi ích xuất thế.
- 2- Tuệ thí lợi lạc cho thế gian niềm vui.

Kế là, trong giải thích tùy niệm Túc trụ trí thông. 1/ nói về nhớ nghĩ sự cảnh. 2- “Lại, do trí Túc trụ nhớ nghĩ bản sinh, vì các hữu tình” trở xuống, là nói về tác dụng của nghiệp kia.

Trong phần trước có ba:

- 1- Nhắc lại câu hỏi.
- 2- Giải thích.
- 3- Kết.

Trong giải thích. 1/ Nói rộng về tùy niệm sự cảnh. 2/ Tóm lại” trở xuống, là nói chung về sở tri trong quá khứ không có trở ngại.

Trong phần trước có ba:

- 1- Biết việc lâu xa của nhiều thân trong quá khứ.
- 2- Biết việc đã tiêu diệt trước của thân này.
- 3- Nhớ nghĩ đến chuyện xa gần trong nhiều kiếp trước.

Trong phần trước lại có ba:

1/ Có hai trường hợp nói về Phật, Bồ-tát dùng trí túc trụ có thể biết được việc đã từng trải qua của mình, người.

2/ Lại, có thể giúp cho người được trí túc trụ rất dễ hiểu được việc đã từng trải qua của mình, người.

3/ “Hữu tình như thế, lại giúp cho người được trí túc trụ” trở xuống, là nói xoay vần bảo nhau, đều được Trí Túc trụ, rất dễ hiểu được mình, người”.

Luận sư Trắc nói: “Trong Tùy niệm túc trụ thông, như phạm hạnh dưới có tám trường hợp ngôn thuyết và tùy theo sáu hạnh phân biệt của trường hợp ngôn thuyết (rộng như đoạn văn dưới sẽ nói).

Địa Kinh phần lớn đồng với luận này.

Hỏi: “Trước kia con người đã không tu định, làm ao có thể giúp cho họ biết được?”

Ngài Tam Tạng giải thích: “Nếu tự lực biết thì phải dựa vào định. Nếu do Phật, Bồ-tát che chở nên biết, thì không dựa vào định, rất dễ hiểu tất cả”.

Pháp sư Thái nói: “Như thế, xoay vần bảo cho mọi người nhớ đến mạng kiếp trước của họ đều đồng trong hiện pháp như chính cá nhân mình, mà nói hai giải thích:

1/ “Đoạn văn trên nói: “Như Bồ-tát khiến người thứ nhất khác nhớ lại việc kiếp trước. Người thứ nhất do năng lực của Bồ-tát, có thể giúp cho người thứ hai nhớ lại việc kiếp trước. Như thế, xoay vần không hạn chế nhiều người nhớ lại phần gốc rõ ràng ở kiếp trước, đều như Bồ-tát tự mình đã thấy mọi việc rõ ràng trong hiện-pháp”.

Thứ hai, là giải thích: “Như thế, xoay vần giúp cho người khác nhớ túc-trụ đều như Bồ-tát tự mình nhớ lại sự nghiệp kiếp trước”.

“Ở trong hiện pháp v.v...” trở xuống, là nói về Bồ-tát đối với hiện-pháp, ở trước đã tạo tác mọi việc nhỏ nhiệm, để làm phương tiện, hoặc nhiều, hoặc ít để làm phương tiện, là vô thủ đều không có lỗi lầm luống dối.

Lại, có thể tùy niệm sát-na không đứt quãng, vì theo thứ lớp, việc làm không có bỏ dở.

Luận sư Cảnh nói: “Đây là từ lúc già, tìm kiếm ngược hướng về trước, hoặc sắc; hoặc Tâm, niệm niệm không xen hở, theo thứ lớp đều biết, cũng là khả năng biết được mỗi niệm sát-na của số kiếp trong quá khứ. Trí nhất niệm của Phật, Bồ-tát này, có khả năng biết được vô lượng sát-na của đời này, đời khác, không đồng với người Nhị Thừa tìm kiếm ngược sát-na của thân này, không biết được đời trước đã qua đời. Thái, Pháp sư Cơ đều đồng trường hợp với cách giải thích này.

Đoạn văn trong Thiên-Nhãn, nhĩ thông, chia làm ba:

1/ Nói về Thiên nhĩ thông.

2/ Nói về Thiên nhãn thông.

3/ Nói về tác-nghiệp (Nghiệp tạo tác) của hai thông, âm thanh sáu đối tượng nghe được nêu trong Thiên nhĩ thông.

Kế Sau là giải thích theo thứ lớp. Trong nghe tiếng của trời, nếu

không tác-ý, (để ý), chỉ nghe tiếng của một cõi Dục, cõi Sắc này; Nếu người kia Tác-ý, tức sẽ biết được nhiều cõi. Đây là y cứ ở địa-vị có công dụng thuộc bảy Địa trở lại, đã tạo nên phần phán quyết này. Nếu nhập Bát Địa trở lên và Phật thì bất cứ lúc nào, không đợi tác-ý, vẫn biết rõ về tất cả âm thanh nhiều cõi.

Đạt-La-Di-đồ các thứ minh chú. Luận sư Cảnh nói trên thêm lục địa phía đông Nam Hải ở Nam Thiên-trúc có một nước Sư-Tử tên là Đạt-La-Di-đồ. Vì không có từ ngữ tương-đương để dịch danh từ này, nên giữ nguyên âm Phạm”.

Pháp sư Thái nói: Ngữ, đây là tên của chú, ở xứ này không có danh từ nào để phiên dịch”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: Nói là nước Tăng-Khư-la, chính là nước Sư-tử, có thứ chú tên là Đạt-La-Di-đồ, tức chú lớn trong chú, thường có linh-nghiệm như thần. Nay, đầu tiên, là nêu lên”.

Luận sư Trắc nói: Cự luận nói: “Ngữ của nước Đà-di, xưa giải thích là nước Quỷ, chúng phát ra thứ ngôn ngữ không thể hiểu rõ”.

Ngài Tam-Tạng nói: Là tiếng nói của người nước Sư-Tử, không có bài văn theo thứ lớp trên, dưới. Họ phát âm ngữ tụng chú, khiến cho người không hiểu nổi”.

Lại giải thích: “Là danh từ mà người tiên đã tạo ra từ xưa ở Nam Thiên-trúc, nay là nước Hiện-Thành, đều từ người tiên đặt tên, tức là trường niên Bà-La-Môn (Bà-la-môn cao tuổi), là người nước đó.

Trong kiến tử sinh trí thông nói rằng: “Thấy biên-tế sau, sinh rồi, tăng trưởng, đến chuyển-biến khác nhau. Có một cách giải thích; “Đời này về sau, thân sau, mới khởi thấy sắc của sự sinh. Lại thấy niệm kế là, về sau, sắc v.v... ngày càng tăng trưởng, nên gọi là bờ mé sau, sinh rồi, tăng trưởng, các căn thành tựu v.v..., cũng có thể do Thiên-nhân thấy chung sắc sinh tử, hiện-tại của chúng sinh, về sau, nhập ý địa (lĩnh vực ý), biết sắc v.v... tăng trưởng của đời sống ở vị lai, gọi là biết bờ mé sau.

Hỏi: Thiên nhân có thể thấy được sắc cực-vi hay không? Nếu không thể thấy, thì sao ở đây nói là thấy sắc cực-vi? Nếu có thể thấy, thì sẽ không có lân hư vi tế trong tông của Đại-thừa? Chỉ là giả phân-tích, nói là có các sắc v.v... Cực lược, Cực huýnh, v.v...”

Đáp: Chỉ có rất nhỏ trong sắc có hình, có đoạ, mà Thiên-nhân có thể nhìn thấy, được gọi là sắc Vi-tế, chứ chẳng phải thấy Cực-vi, gọi là thấy Cực-tế, bởi khi sắc sinh, tùy theo một vật thể lớn, nhỏ của sắc ấy, sinh ngay, chẳng phải nhờ vả ở sự chứa, nhóm”.

Trong biết tâm sai khác chung, trước nói biết sự khác nhau của tâm; sau, nói về tác-nghiệp.

Trong phần trước, tức biết sáu cặp tâm:

1/ Biết tâm có Triền, lia triền. Hiện khởi phiền não, gọi là triền.

2/ Biết tùy phược, tùy miên, gọi là tâm viễn-ly. Pháp sư Thái nói: Phương Tây có hai cách giải thích:

1/ “Ràng buộc nhau, gọi là “Tùy-phược”, phược thô nặng, gọi là tùy miên.

2/ “Hạt giống của Tùy phiền não, gọi là Tùy-phược. Hạt giống của phiền não Căn bản, gọi là tâm tùy-miên phiền não.

3/ Biết tâm có nhiễm, không nhiễm, tà, chánh nguyện.

4/ Biết tâm của ba cõi thuộc phẩm hơn trong kém.

5/ Biết tâm tương ứng với ba thọ.

6/ Có thể dùng trí tha tâm biết năm cặp tâm của hữu tình.

Nói là sở hữu như thế, là cặp tâm ban đầu. Thể tánh như thế, là cặp thứ hai; Phẩm loại như thế là cặp thứ ba; hành tướng như thế là cặp thứ tư; Ranh giới như thế, là cặp thứ năm. Lại, biết năm cặp tâm trên nhiều hữu tình.

Lại, “Phật, Bồ-tát v.v...” trở xuống, là thứ hai, nói về tác-nghiệp lợi người.

Nếu theo giải thích của Luận sư Cảnh, thì tác nghiệp này chính là thứ bảy, biết về tánh căn, dục của hữu tình v.v..., đều vì biết bảy cặp tâm ở trước.

Hỏi: Như Luận Duy-Thức nói: “Những người biết tâm người khác là vì biết tâm người khác hay vì biết tâm mình? Nếu biết tâm người khác thì lý Duy-Thức làm sao thành ư? Nếu biết tâm mình thì đâu được gọi là trí Tha tâm ư?”

Đáp: Tất cả người tu hành đều chỉ thấy tâm mình, chỉ có Phật Thế-Tôn mới biết như Phật ”.

Người nước Phương Tây nêu ra hai giải thích:

1/ “Phàm phu, Nhị thừa và các Bồ-tát với trí tha tâm thông lúc “duyên” tâm người khác, ảnh tượng của tướng phần giống với bản chất kia, vì có kiến phân biệt, nên không hiểu rõ, phần nhiều không hợp với bản chất. Trí tha tâm của Đức Phật dù có ảnh tượng, nhưng rất thích hợp với bản chất gọi là hiểu rõ. Vì biết rõ nên gọi là chư Phật có thể biết như thật.”

2/ “Thập địa trở xuống phân biệt chưa hết, do đó, chỉ thấy ảnh tượng, thấy không rõ ràng. Đức Phật là phân biệt, vì thấy cảnh ngoài

tâm, nên thấy tâm người như thật biết đúng. Như sáu thức kia “duyên” căn trần nọ, chỉ “duyên” ảnh tượng. Lại da tức “duyên” bản chất của căn, trần, lại trong tha tâm thông trí luận nói: “phàm phu rất dễ hiểu được tâm chúng sinh trong tất cả thiên hạ. Các vua Phạm rất dễ hiểu tiểu thiên thế giới. Hàng Thanh văn biết Nhị thiên; Duyên giác biết Tam thiên thế giới. Trong luận này nói: “chư Phật, Bồ-tát biết tâm pháp của hữu tình trong vô lượng, vô biên thế giới, nghĩa là dù đồng vô lượng, nhưng chẳng phải không có nhiều, ít”.

Nói về các thứ giới, hạnh: Ngài Tam-tạng nói: “Giới là Tánh, tức là chủng-tử.

Trong lậu tận thông, trước nói về cảnh của trí; sau, nói về dụng của nghiệp.

Trong phần trước có ba:

1/ Có ba trường hợp biết rõ về bốn đế:

a/ Biết rõ phiền não tận đắc. Luận sư Cảnh nói: Biết đối tượng dứt hết lậu, tức “duyên” khổ, tập.

Pháp sư Khuy Cơ nói: Biết rõ lậu tận đắc, tức vô lậu đắc, được cái được của lậu tận.

b/ Biết lậu tận rồi, được cái chưa được, đây là “duyên” Diệt-đế.

c/ Lại biết phương tiện, là Đạo-đế; chẳng phải phương tiện, là khổ, Tập, tức tám tà.

2/ “Như thật biết rõ về Lậu tận có tăng thượng mạn, lìa Tăng thượng mạn”.

Luận sư Cảnh nói: Đây là “duyên” người giả, kể cả Bốn đế.

Luận sư Trắc nói: Rằng, ba quả trước của phàm-phu có tăng thượng mạn; quả thứ tư, không có tăng thượng mạn. Đức Phật và Bồ-tát biết rõ có mạn.

3/ “Lại, các Bồ-tát v.v...” Trở xuống, là nói “duyên” Bốn đế mà vì không tác chứng, nên công hạnh hữu lậu mà không nhiễm.

Trong nói về dụng của nghiệp có hai duyên bốn đế. Duyên này lại tức nói là Lậu tận trí thông, ở khắp mười phương, không chỉ là “duyên” diệt. Như khổ, tập trí “duyên” trí tha tâm được hết lậu, tức “duyên” tha tâm, lậu tận v.v... hết. Đạo trí tức “duyên” phương tiện lậu tận, không là pháp trí; loại trí; trí thế tục; Diệt trí; Tận, vô sinh trí chính “duyên” pháp lậu tận vô vi”.

Thứ hai, trong giải thích về oai lực của pháp, trước hỏi; kế là, giải thích; sau, là kết.

Trong giải thích:

1- Nói chung về sáu Độ: Như Thí v.v..., mỗi Độ đều có bốn tướng.

2- Giải thích riêng về sáu Độ, mỗi Độ được bày ra bốn tướng.

Trong phần trước, trước nêu sáu Độ; thứ hai, là nói về mỗi Độ như Thí v.v..., mỗi độ đều có bốn tướng:

1- Tướng bị đối trị, tức là sáu dục.

2- Tướng Tư lương thành tựu. Tư lương tức là được Bồ-đề thành tựu, chính là sinh của bốn Nhiếp, khiến thu hưởng quả Phật.

3- Tướng lợi ích mình, người, nghĩa là được lợi ích gần, hiện tại.

4- Tướng cho quả ở đương lai, nghĩa là tướng xa, cho quả Bồ-đề ở đương lai, tướng gần, được quả người, trời ở đương lai.

Phần thứ hai, trong giải thích riêng, bố thí có bốn tướng. Người ghi chép của luận Địa Trì bản cựu dịch lầm lẫn: Ở trong tướng thứ hai, chỉ nói là Tư lương Bồ-đề, tức bố thí Nhiếp kia, để cho người khác thành thực, Duyên nhập trong tướng thứ ba. Cho nên Luận Địa Trì bản cựu dịch kia nói: “Bố thí đối trị với tham lam, keo kiệt.

2- Thành tựu Bồ-đề đầy đủ.

3- Dùng thí nhiếp, lấy dục, thí, tâm thiện, tâm thanh tịnh thí cho, nhằm thành tựu chúng sinh. Thí cho xong, không hối tiếc. Ba thời vui mừng, do lợi ích mình, gọi là “tự nhiếp”. Đối với mọi tai nạn, sợ hãi mà các chúng sinh kia đã gặp phải, như đói, khát, lạnh, nóng, tật bệnh, đều giúp xa lìa. Do sự lợi ích này, nên gọi là nhiếp tha.”

4- Do nhân duyên này tồn tại, nên ở chỗ sinh, được nhiều của cải, giàu có; được chúng tánh lớn, được quyền thuộc lớn.

Nhân sự lầm lẫn ở trước, nên năm độ sau, đều cũng sai lầm, thời đại ngày nay, đã chỉnh đốn lại.

Trong tướng thứ tư Nhẫn Độ nói: “không có nhiều oán thù, nghĩa là không có oán ghét gặp nhau. Không có nhiều ly cách, nghĩa là không có ái biệt ly. Không có nhiều lo khổ, là không có ân, oán hội ngộ. Chia ly người thân mà sinh nỗi khổ lo buồn”.

Luận bản Cựu dịch nói: “Hiện tại không có biệt ly, cũng không có khổ lo buồn, vì nỗi khổ lo buồn chỉ đối với sống mà biệt ly! Hợp thành hai: Kẻ thù oán gặp nhau, người thân phải chia lìa. Nay, chia làm ba, quyết định trong tướng thứ nhất của bốn tướng, rằng: “Năng dứt trừ phiền não, ngôn ngữ, Tâm Từ, âm nhạc, tướng sắc, đều là tùy phiền não, nghĩa là sơ định, dứt trừ phiền não cõi Dục”.

Tướng thứ hai, lìa Tâm, Từ, ngôn ngữ.

Tướng thứ ba, ly hỷ.

Tướng thứ tư, dứt trừ lạc.

Không xứ, dứt trừ tùy phiền não tướng sắc v.v....

Trong Bát- Nhã, lấy chung hành, sự trong bốn Nhiếp. Trong Thí nói: “Có thể làm việc bố thí nhiếp, thành tựu trong hữu tình. Dùng đồng sự trong bốn độ để thành tựu hữu tình, tức sáu độ gồm thân bốn nhiếp.

“Vì sao trong bố thí, không thấy nói khuyên hữu tình thực hành thí cho, tự mình đồng với họ, gọi là đồng sự, cũng gọi là hạnh lợi tha v.v... ?”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nay, vì y cứ ở tùy tăng, nên nói chỉ có ở đây, chứ chẳng phải y cứ vào nghĩa thật. Nghĩa thật kia đâu có ngại gì. Trong mỗi việc được có hạnh lợi tha v.v... !”

Thứ ba, là giải thích về oai lực “câu sinh”. Ngài Tam Tạng nói: “Tùy theo tướng nhỏ, nói là tự tánh, niệm sinh trí và có thể lực đều sinh. Tám tướng thành đạo cũng do trí này, trong đó, hồi, giải thích, kết.

Trong giải thích có ba:

- 1- Nói về nhớ nghĩ bản sinh.
- 2- Nói tám tướng thành đạo.
- 3- Nói về sự khác nhau

Trong phần trước có ba:

- 1- Nhớ nghĩ đến bản sinh
- 2- “Không do v.v... ” trở xuống. Là chịu đựng được nỗi khổ lớn.
- 3- “Hân hoan ưa thích v.v... ” trở xuống, là nói về Đại bi.

Trong tám tướng, Pháp sư Cơ nói: “Xưa nói:

- 1- Trụ ở cõi trời Đĩ-Sử-Đa.
- 2- Thị hiện nhập thai mẹ.
- 3- Trụ thai mẹ.
- 4- Xuất thai.
- 5- Xuất gia.
- 6- Thành đạo.
- 7- Xoay bánh xe pháp
- 8- Nhập Niết-bàn.

Nếu theo luận Địa Trì, bản cựu dịch thì không có tướng xuất gia, Nhập Niết-bàn. Nay, ở đây giải thích theo Cựu luận không có tướng xuất gia, còn lại bảy tướng, dựa theo văn tự lấy. Lại, nếu giải thích dùng thần thông biến hóa là một, tức không có xuất gia, trong đây, nay đủ tám tướng. Nếu do nói riêng tám tướng, nghĩa là “trụ ở cõi trời chẳng phải dự v.v... ” trở xuống thân sinh không lấy, có trong một xứ, tức giáng sinh xuống.

- 2 - Nhập hai.
  - 3 - Trụ thai.
  - 4 - Xuất thai
  - 5 - Xuất gia.
  - 6- Thành đạo
  - 7- Xoay bánh xe pháp.
  - 8- Nhập Niết-bàn
- Nay, ở đây không có xuất gia.

Không lấy trụ cõi Dục, cho là trong tám tướng. Luận sư Cảnh nói: “Nếu theo thế văn để nói về bảy tướng thì;

- 1- Sinh lên cõi trời Đổ-sử, sống lâu không có việc chết yếu giữa đường.
- 2- Tướng hạ sinh
- 3- Tướng nhập trụ xuất thai, không có điên đảo
- 4- Tướng sơ sinh
- 5- Tướng thành đạo
- 6- Tướng xoay bánh xe pháp.
- 7- Tướng nhập Niết-bàn.

Nói có ba sự vượt hơn thọ lượng của một vị trời. Pháp sư Khuy Cơ nói: Rằng tuổi thọ của vị trời kia không dựa theo số lượng, vì có chết yếu giữa đường. Nay nói về Bồ-tát cùng tận thọ lượng của trời, là bốn ngàn tuổi.

Kế luận trên nói: “cùng tận thọ lượng của trời Đổ-sử-Đa mà trụ.”

Có thuyết nói: “Sinh lên các tầng trời kia đều tận cùng thọ lượng bốn ngàn năm, thì không đúng, vì lẽ:

- 1- Vì văn trở ngại.
- 2- Vì lý trở ngại.

Nói văn trở ngại là luận nói: “Ba việc chiếu sáng hơn các tầng trời kia. Thọ lượng của vị trời thứ nhất, nghĩa là vị trời kia đều tận cùng tuổi thọ, Bồ-tát sẽ không lấn át thọ lượng của vị trời kia”. Đoạn văn này vì trái nhau nên là văn trở ngại.”

Nói nghĩa trở ngại, nghĩa là kinh nói: “Bồ-tát hạ sinh, vị trời kia đều hạ sinh Thiệm-bộ có chúng sinh hiện nay vừa sinh cõi kia. Nghĩa là khi Bồ-tát hạ sinh, chưa đầy bốn ngàn tuổi, lẽ ra không sinh theo, nếu không sinh theo, thì sẽ trái với kinh ấy nói. Nếu nói là tướng tùy theo hạ sinh, thì tức là có chết yếu giữa chừng. Đây là điều thứ hai, vì lý trở ngại, nên nghĩa không thành.”

Lại, vì sao vị trời kia không chết yếu giữa chừng? Nói chứng Bồ-đề xong, cho đến đều giác ngộ rõ ràng. Luận sư Cảnh nói: “bốn uẩn sinh, diệt nhỏ nhiệm, mà còn biết rõ, hướng chi là sắc pháp.”

Pháp sư Thái nói: “Đức Thế tôn thường quán thọ, tưởng, tâm, tư của bản thân mình hoàn toàn không có niệm khác. Thường quán vô thường, sinh, trụ, dị v.v... đều cùng có với niệm này, nên ma không có dịp làm hại”. Như luận Địa Trì bản cựu dịch “Quán ssinh, trụ dị v.v... của các chúng sinh. Nay, nói quán thân mình, vì quán thân mình, nên ma không có dịp làm hại, há dùng quán người khác mà không có dịp làm hại hay sao? Lại, trong đây cũng là quán các chúng sinh, vì khởi ý niệm xót thương, nên vận dụng tâm rộng rãi, do đó ma không có dịp làm lại.

Khi nhai thức ăn, các hạt cơm đều bị nghiền nát, không có miếng, không tống thức ăn, nghĩa là nói lúc đức Phật ăn, hạt cơm đều nát, không có miếng, không đầy hết thức ăn.”

Dưới đây nói về sự khác nhau, tức là tự tánh, niệm sinh trí và thế lực của Dị thực, chứ chẳng phải do sức thần thông.

Thứ tư, là giải thích về hai môn cộng bất cộng:

Nói “người Thanh văn chỉ lấy hai ngàn thế giới và thế giới hữu tình làm cảnh thần thông”, cho đến thế nên rất cùng cực chỉ dùng một giới để làm cảnh thần thông. Pháp sư Thái Cảnh, đồng nói lại hai giải thích:

1/ Vì sao hàng Độc giác đều lấy Tam thiên thế giới làm cảnh thần thông? Cho nên, giải thích ở dưới, chỉ vì bản thân mình mà tu chánh hạnh, nên chỉ tam thiên thế giới làm cảnh. Bồ-tát vì lợi tha, nên ba ngàn.

2/ “Vì sao hàng Thanh văn dùng hai ngàn khí thế giới và chúng sinh làm cảnh thần thông; hàng Độc giác chỉ lấy ba ngàn khí thế giới làm thần cảnh? Không nói hữu tình, thế giới? Vì thế, giải thích dưới đây nói: “Hàng Độc giác chỉ vì điều phục một thân, nên chỉ lấy một khí thế giới làm cảnh. Hàng Thanh văn Bồ-tát có nói pháp lợi người. Vì đạo hóa độ người, nên lấy khí thế giới và thế giới chúng sinh làm cảnh thần thông”.

Hỏi: “Nếu trong hàng Thanh văn chỉ biết hai ngàn thế giới thôi thì vì sao kinh Duy-ma nói: “A-Na-luật thấy Tam thiên Đại thiên thế giới, như thấy quả A-ma-lạc trong bàn tay”?”

Đáp: “Vì nêu chung về hàng Thanh văn căn cơ yếu kém nên nói: “Như một ngàn thế giới, trong đó, nếu người tu riêng công đức lớn, rất dễ hiểu ba ngàn”.

Ngài Long Mãnh cũng nói: “Đại A-la-hán cũng biết được ba ngàn”

Đoạn lớn thứ ba, đem ba thị hiện nhiếp nhập ba thứ oai lực thần thông:

1- Thần cảnh thuộc về Thần biến, cũng gọi là thần thông thị hiện; cũng gọi là sơ thần thông luân, tức là thân nghiệp.

2- Ký thuyết thuộc về Thần biến, cũng gọi là Tha tâm thị hiện; cũng gọi là ký tâm luân, tức là ý nghiệp.

3- Dạy răn thuộc về Thần biến, cũng gọi là Lưu tận thị hiện, cũng gọi là thuyết Pháp luân, tức là ngữ nghiệp.

Phải biết rằng, ba thứ này, như đối tượng thích ứng, sẽ nhiếp nhập oai lực của ba Thần thông, như văn, rất dễ hiểu.

-----